

Số: 114/KH-UBND

Kiên Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang với những nội dung, như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

##### **1. Mục đích:**

- Đảm bảo thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Chiến lược.

##### **2. Yêu cầu:**

- Bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu của Chiến lược giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Hoạt động cấp nước và vệ sinh nông thôn phải thực hiện theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” và “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình, đảm bảo hiệu quả, bền vững.

- Chủ động lồng ghép các nội dung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

#### **II. MỤC TIÊU:**

##### **1. Mục tiêu chung:**

- Đảm bảo người dân nông thôn được tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

- Bảo vệ sức khỏe, giảm các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị, góp phần xây dựng nông thôn mới.

##### **2. Mục tiêu cụ thể:**



a) Đến năm 2030:

- Có 65% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; phần đầu nâng tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung trên 50%.

- Có 100% hộ gia đình nông thôn, trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Phần đầu có 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý; 75% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Đến năm 2045:

Phần đầu có 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững; có trên 75% người dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung; 50% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% nước thải sinh hoạt được xử lý; 100% hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi.

### III. NỘI DUNG:

#### 1. Về thông tin, giáo dục, truyền thông:

- Tuyên truyền, phổ biến nội dung của chiến lược, kế hoạch thực hiện đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Tổ chức phát động Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hằng năm và triển khai các hoạt động hưởng ứng.

- Thực hiện hoạt động giáo dục, truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách; thay đổi hành vi, thói quen; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình; hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước để sử dụng trong mùa khô, thời gian hạn hán, xâm nhập mặn.

- Đa dạng loại hình truyền thông, kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung vào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bãi ngang, ven biển, biên giới, hải đảo.

- Chia sẻ thông tin liên quan đến công tác lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; công bố thông tin chất lượng nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nước đối với các nguồn cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Huy động tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng tích cực tham gia truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

#### 2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách:

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, vệ sinh nông thôn.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, bảo đảm thực sự hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý và hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ an sinh xã hội.

#### 3. Về cấp nước sạch nông thôn:

##### a) Cấp nước sạch tập trung:

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung gắn với khai thác,

quản lý vận hành theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung quy mô lớn, đồng bộ, liên xã, liên huyện, mang tính kết nối, chia sẻ nguồn nước để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo đối với các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung quy mô nhỏ, tận dụng mạng đường ống để đầu nối sử dụng vào hệ thống cấp nước sạch tập trung quy mô lớn hơn; kéo dài tuyến ống, sử dụng nguồn nước từ những công trình có tính bền vững, dần tiến tới hòa mạng các công trình cấp nước tập trung để điều hòa, hỗ trợ cấp nước trong tình huống khó khăn về nguồn nước, gắn với giám sát quản lý vận hành công trình.

- Ưu tiên đầu tư công trình tạo nguồn cấp nước sinh hoạt tại vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang, ven biển, biên giới, hải đảo.

#### b) Cấp nước quy mô hộ gia đình:

Thực hiện các giải pháp cấp nước quy mô hộ gia đình đối với những vùng gặp khó khăn trong đầu tư công trình cấp nước tập trung hoặc đầu tư công trình cấp nước tập trung không hiệu quả, vùng chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, nhất là các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo; tập trung:

- Đầu tư bồn trữ nước mưa và các hình thức trữ nước khác phù hợp đặc thù ở khu vực nông thôn để đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt.

- Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng vật liệu thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình. Hướng dẫn kiểm tra, giám sát chất lượng nước quy mô hộ gia đình.

- Áp dụng mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; thí điểm áp dụng ki ốt, cây ATM cung cấp nước uống trực tiếp cho cụm dân cư, trường học trong trường hợp khẩn cấp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

#### c) Cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Xây dựng hướng dẫn và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác giám sát đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Chia sẻ nguồn nước và các thông tin liên quan đến nguồn nước giữa các ngành, địa phương phục vụ công tác cấp nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước.

- Nâng cao năng lực xét nghiệm chất lượng nước cho các đơn vị cấp nước; đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm và thiết bị xét nghiệm hiện đại phục vụ công tác nội, ngoại kiểm chất lượng nước; năng lực xác định và xử lý sự cố gây gián đoạn, ngưng trệ hiện tượng cấp nước.

- Từng bước thiết lập hệ thống kiểm soát, cảnh báo chất lượng, trữ lượng nguồn nước sinh hoạt, kiểm soát ô nhiễm nguồn cấp nước sinh hoạt từ các hoạt động dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và có phương án thay thế nguồn nước trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

- Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiếu nước sinh hoạt do ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn,

ngập lụt, úng; đảm bảo duy trì tối thiểu nguồn cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

- Ưu tiên hệ thống đường ống được kết nối liên huyện, liên xã, có tính chất đầu mối, tạo nguồn để bổ sung nguồn nước cho các công trình lân cận trong khu vực. Cải tạo, nâng cao chất lượng nước tại các công trình đã có, thay thế các dây chuyền công nghệ xử lý nước lợ bằng các dây chuyền công nghệ xử lý nước tiên tiến, nhằm nâng cao hiệu suất của hệ thống xử lý nước và chất lượng đầu ra đạt các chỉ tiêu theo quy chuẩn đáp ứng yêu cầu chất lượng nước, nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

**d) Quản lý vận hành:**

- Tổ chức quản lý vận hành công trình cấp nước sạch, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo một số mô hình phù hợp với từng loại hình, khu vực nông thôn, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định.

- Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn; thực hiện bù chéo chi phí trong quản lý vận hành công trình cấp nước; hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật quản lý vận hành công trình sau đầu tư tại các vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang, ven biển.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” với hỗ trợ chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

**4. Về vệ sinh nông thôn:**

**a) Vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng:**

- Triển khai, nhân rộng phong trào cộng đồng không phóng uế bừa bãi, hướng tới thay đổi nhận thức, hành vi vệ sinh của người dân, tăng tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, góp phần đạt được mục tiêu “Một Việt Nam không còn phóng uế bừa bãi” vào năm 2025.

- Ứng dụng và phổ biến các giải pháp công nghệ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, quản lý sử dụng công trình vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh công cộng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tiếp cận đồng bộ dịch vụ vệ sinh an toàn gắn với truyền thông thay đổi hành vi và phát triển thị trường.

**b) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Xây dựng lộ trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch và đồng bộ với kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Thí điểm áp dụng các mô hình công nghệ thu gom và xử lý nước thải chi phí thấp, hạn chế hóa chất, sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát sinh chất thải thứ cấp phù hợp với đặc điểm và quy mô khu dân cư nông thôn tập trung.

- Huy động các nguồn lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách thông qua áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp trong sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí, thủ tục hành chính, kinh phí đầu tư và sau đầu tư.

**c) Xử lý chất thải chăn nuôi:**

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích áp dụng các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn.

- Quản lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng yêu cầu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo mùi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ cơ sở chăn nuôi không làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường. Hộ chăn nuôi, chủ trang trại chăn nuôi chịu trách nhiệm xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.

- Thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ người dân xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và xử lý chất thải chăn nuôi.

- Tăng cường hướng dẫn kiểm tra tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi.

**5. Về khoa học công nghệ:**

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản, giá thành phù hợp với khả năng chi trả của người dân.

- Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, tận dụng nguyên vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

- Nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ xử lý nước mặn, nước lợ thành nước ngọt; thu gom, xử lý và trữ nước mưa đảm bảo chất lượng; công nghệ xử lý nước hộ gia đình đảm bảo vận hành đơn giản, hiệu quả; khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất nước sạch và xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi.

**6. Về hợp tác quốc tế:**

⊕ Tranh thủ sự hỗ trợ nguồn lực, khoa học, công nghệ, trang thiết bị của các quốc gia, tổ chức quốc tế trong cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn, nhất là các chương trình, dự án cấp nước, vệ sinh nông thôn ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**7. Về huy động nguồn lực:**

- Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, nhất là nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác có mục tiêu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế-xã hội, huy động sự tham gia, đóng góp của người dân trong đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành công trình cấp nước, vệ sinh môi trường nông thôn và hỗ trợ hoạt động cấp nước quy mô hộ



gia đình.

- Thực hiện cho vay vốn đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước tập trung, cấp nước quy mô hộ gia đình và công trình vệ sinh môi trường nông thôn thông qua chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đặc biệt tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước.

#### **8. Về phát triển nguồn nhân lực:**

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý và vận hành công trình; ưu tiên đội ngũ quản lý, vận hành mô hình công trình cộng đồng quản lý. Tăng cường năng lực cho lực lượng quản lý cơ sở trong công tác lập kế hoạch, quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động cấp nước và vệ sinh.

#### **9. Về giám sát, đánh giá:**

- Cập nhật và thực hiện Bộ chỉ số theo dõi- đánh giá; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đảm bảo tin cậy, hiệu quả.

- Tăng cường giám sát chất lượng nước đảm bảo quy chuẩn; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước, xả chất thải, nước thải không đúng quy định; huy động sự tham gia, giám sát của cộng đồng và người dân trong hoạt động cấp nước và vệ sinh, đặc biệt là công tác bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

### **IV. CÁC ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH:**

Lồng ghép đề xuất các chính sách hỗ trợ lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn vào Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Dự án công trình trữ nước và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn; Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

- Ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; vốn vay ODA; vốn vay ưu đãi nước ngoài; vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan; vốn tín dụng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

- Hàng năm, căn cứ nội dung Kế hoạch và tình hình thực tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện; gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đúng theo quy định.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu, đề



xuất cho UBND tỉnh thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phối hợp với các ngành, cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Chỉ đạo các đơn vị cấp nước khu vực nông thôn phối hợp với địa phương xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn để thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn (áp dụng cho công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước hộ gia đình).

- Phối hợp các ngành xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn cho phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Tổ chức thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về nước sạch và vệ sinh nông thôn.

- Phối hợp với các ngành đẩy mạnh công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư các công trình và hệ thống cấp nước sạch khu vực nông thôn.

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ cấp nước sạch nông thôn tập trung và cấp nước quy mô hộ gia đình (đối với những vùng khó tiếp cận với cấp nước tập trung); thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn tập trung; xử lý chất thải chăn nuôi và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Chiến lược.

- Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược và định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo cho UBND tỉnh kết quả thực hiện.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn theo quy định.

## **3. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước đề xuất điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá nước sạch theo quy định và điều kiện thực tế tại địa phương.

- Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

## **4. Sở Xây dựng:**

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn đảm bảo hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại các điểm dân cư theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn đến Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát thất thu nước sạch tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Xây dựng.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các chỉ tiêu về cấp nước đối với các đô thị loại V hình thành mới.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ngành tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn tỉnh theo các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; hướng dẫn, kiểm tra việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giám sát các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra và xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ nguồn nước, xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các quy định trong công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

### **6. Sở Y tế:**

- Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước, vệ sinh trong trạm y tế và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Chiến lược.

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sinh hoạt sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh áp dụng cho công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình. Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình và công trình công cộng, vệ sinh cá nhân.

- Tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tổ chức thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, thay đổi hành vi vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân, cấp nước và vệ sinh trạm y tế.

### **7. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ cấp nước, vệ sinh trong trường học và các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu của Chiến lược.

### **8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:**

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của Nhân dân bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình, vệ sinh cá nhân.

- Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và mất an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn về UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn,



vướng mắc, đề nghị các sở, ngành, đơn vị có liên quan và các địa phương kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để được xem xét, giải quyết. *Trần*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- UBND các huyện, TP;
- Trung tâm NS&VSMTNT tỉnh;
- LĐVP, Phòng: KT, KGVX và TH;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Quốc Anh*

**Lê Quốc Anh**

